

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN MARITIME**

Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30/06/2015



MỤC LỤC	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime được thành lập theo Quyết định số 77/UBCK-GPHĐKD ngày 11/06/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với tên gọi lúc thành lập là Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 371/UBCK-GP ngày 22/11/2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, Giấy phép số 381/UBCK-GP ngày 31/12/2010 về việc tăng vốn điều lệ, Giấy phép số 09/GPĐC-UBCK ngày 27/01/2011 về việc thay đổi tên Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh, Giấy phép số 25/GPĐC-UBCK ngày 08/04/2011 về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính, Quyết định số 401/QĐ-UBCK ngày 02/07/2013 về việc chấp nhận thành lập chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 379/QĐ-UBCK ngày 26/05/2014 về việc chấp nhận thành lập chi nhánh Hà Nội, Giấy phép số 35/GPĐC-UBCK ngày 07/08/2015 về việc thay đổi tên Công ty, Quyết định số 668/QĐ-UBCK ngày 07/08/2015 về việc thay đổi tên Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 669/QĐ-UBCK ngày 07/08/2015 về việc thay đổi tên Chi nhánh Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép là 300.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 1 và Tầng 3, Tòa nhà Sky City, Số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Thành phần Hội đồng quản trị

Ông Lê Đình Ngọc	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2015
Ông Thái Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2015
Ông Nguyễn Đức Hoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/01/2014

Thành phần Ban kiểm soát

Bà Hà Thị Bích Hạnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05/04/2014
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/04/2014
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 07/01/2015
Bà Bùi Thị Bích Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 07/01/2015

Thành phần Ban Giám đốc và kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Mạc Quang Huy	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Kế toán trưởng

Các hoạt động chính của công ty

Trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Ngoài ra trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015, Công ty không có hoạt động nào đáng kể làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cho phép.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 30/06/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 22.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Trong đó, kết quả kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

(Đơn vị tính: VNĐ)

- | | |
|--------------------------------------|---------------------|
| - Doanh thu | 86.619.561.997 đồng |
| - Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.116.698.705 đồng |

Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu trong các báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã được lựa chọn là kiểm toán viên thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Ban Giám đốc



MẠC QUANG HUY

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Số: 223/2015/BCSX-BDO

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc vào ngày 30/06/2015
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime, được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty Chứng khoán và các qui định hiện hành về tài chính kế toán.



MAI LAN PHƯƠNG
Tổng Giám đốc
Số đăng ký hành nghề: 0077-2013-038-1



TRẦN THỊ NHƯ PHƯƠNG
Kiểm toán viên
Số đăng ký hành nghề: 2293-2013-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.614.244.720.030	1.365.522.701.869
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	318.329.625.690	226.226.252.763
1. Tiền	111		318.329.625.690	224.626.252.763
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		380.686.658.663	332.560.889.027
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.03	380.691.250.872	334.638.996.227
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.592.209)	(2.078.107.200)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.12	912.956.264.047	805.765.700.865
1. Phải thu khách hàng	131		264.591.130	90.144.128
2. Trả trước cho người bán	132		205.565.700	563.147.517
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		557.985.241.367	449.760.015.016
5. Các khoản phải thu khác	135		368.107.555.781	355.390.558.815
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(13.606.689.931)	(38.164.611)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.272.171.630	969.859.214
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		477.475.183	802.800.124
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.12	1.470.947.557	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		323.748.890	167.059.090
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		124.710.537.738	122.464.660.348
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.145.960.910	5.946.332.368
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	138.604.238	159.093.635
- Nguyên giá	222		5.293.877.081	5.293.877.081
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.155.272.843)	(5.134.783.446)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.05	6.007.356.672	5.787.238.733
- Nguyên giá	228		9.489.791.248	8.377.551.248
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.482.434.576)	(2.590.312.515)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		113.169.662.149	113.169.662.149
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	252	V.03	113.169.662.149	113.169.662.149
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.394.914.679	3.348.665.831
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	2.105.514.431	2.403.627.927
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.07	3.274.400.248	930.037.904
3. Tài sản dài hạn khác	268		15.000.000	15.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.738.955.257.768	1.487.987.362.217

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.319.449.637.245	1.067.859.254.539
I. Nợ ngắn hạn	310		849.449.637.245	512.862.804.539
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV.6	327.496.476.512	146.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		93.269.800	63.269.800
3. Người mua trả tiền trước	313		534.000.000	271.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	1.665.043.150	5.794.156.451
5. Phải trả người lao động	315		2.431.284.066	7.172.732.243
6. Chi phí phải trả	316	V.09	138.817.209.248	128.785.767.200
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	45.329.669.935	53.554.461.796
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.11	254.696.078.752	163.718.707.634
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi chứng khoán	321		404.447.230	1.820.325
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		75.050.000.000	6.134.057.300
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.932.158.552	1.366.831.790
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	328		-	-
II. Nợ dài hạn	330		470.000.000.000	554.996.450.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	IV.6	470.000.000.000	554.996.450.000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		419.505.620.523	420.128.107.678
I. Vốn chủ sở hữu	410		419.505.620.523	420.128.107.678
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		829.800.870	829.800.870
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.184.699.255	2.286.056.154
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6.013.774.841	3.115.131.740
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		107.477.345.557	113.897.118.914
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.738.955.257.768	1.487.987.362.217

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

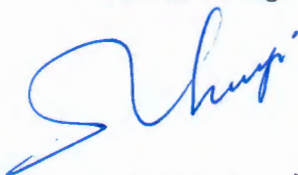
Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	30/06/2015	31/12/2014
1. Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
6. Chứng khoán lưu ký			
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch		3.507.644.800.000	3.197.486.180.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		119.243.850.000	19.897.920.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		3.388.256.950.000	3.177.588.260.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		144.000.000	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		-	4.506.100.000
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		-	-
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		63.835.100.000	4.506.100.000
6.3. Chứng khoán cầm cố		215.040.860.000	163.560.860.000
6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký		118.100.390.000	118.100.390.000
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		96.940.470.000	45.460.470.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		172.524.600.000	111.409.220.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		1.040.000.000	-
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		171.484.600.000	111.409.220.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		4.882.570.000	2.245.470.000
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		-	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		4.882.570.000	2.245.470.000
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết			-
Trong đó:			
7.1. Chứng khoán giao dịch		13.639.510.000	7.233.410.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		-	-
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		13.639.510.000	7.233.410.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty chứng khoán		-	-

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Huyền

Tổng Giám đốc



Mạc Quang Huy

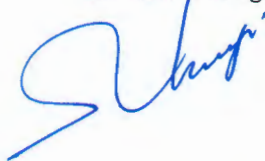
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu	01		86.619.561.997	110.490.210.601
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		18.136.459.632	11.044.390.808
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		17.492.332.384	20.223.514.250
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		10.300.000.000	61.000.000.000
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.368.481.821	402.750.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		39.322.288.160	17.819.555.543
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		86.619.561.997	110.490.210.601
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		79.764.435.437	67.270.465.710
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		6.855.126.560	43.219.744.891
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.397.273.726	5.774.901.107
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.457.852.834	37.444.843.784
8. Thu nhập khác	31		8.784.602	7.129.569
9. Chi phí khác	32		111.481	7.528.948
10. Lợi nhuận khác	40		8.673.121	(399.379)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.466.525.955	37.444.444.405
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.13	349.827.250	6.932.866.797
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.116.698.705	30.511.577.608
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.14	37	1.017

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Huyền

Tổng Giám đốc



Mạc Quang Huy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo Phương pháp trực tiếp)

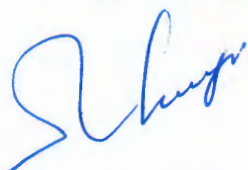
Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		34.022.205.520	31.805.478.949
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(12.231.682.132)	(6.873.269.419)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05		(2.291.765.288)	(240.793.877)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		7.803.375.634.962	4.111.756.209.819
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(6.824.071.072.382)	(3.361.905.611.600)
6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	08		360.572.441.000	272.221.146.700
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09		(325.017.013.500)	(287.221.066.700)
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(8.674.136.564)	(9.848.613.813)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11		(19.254.134.272)	(9.773.860.406)
10. Tiền chi trả lãi vay	12		(17.633.261.717)	(23.502.638.051)
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13		(5.658.079.817)	(2.380.677.606)
12. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	14		227.134.826.009	93.308.646.701
13. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15		(1.159.434.994.737)	(720.523.474.588)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		50.838.967.082	86.821.476.109
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XDTSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(740.290.000)	(1.762.442.360)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(109.428.000.000)	(89.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		32.528.000.000	47.102.675.771
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(92.291.250.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		114.346.886.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		349.033.333	1.931.413.510
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(55.235.620.667)	(42.628.353.079)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		327.496.476.512	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(230.996.450.000)	(9.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		96.500.026.512	(9.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		92.103.372.927	34.793.123.030
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		226.226.252.763	162.480.853.987
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		318.329.625.690	197.273.977.017

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Huyền

Tổng Giám đốc



Mạc Quang Huy

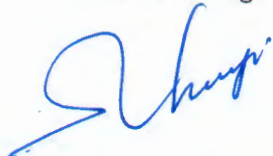
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Thuyết minh	31/12/2014	Số tăng, giảm		30/06/2015
			Tăng	Giảm	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VII.15	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		829.800.870	-	-	829.800.870
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		2.286.056.154	2.898.643.101	-	5.184.699.255
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.115.131.740	2.898.643.101	-	6.013.774.841
10. Lợi nhuận chưa phân phối		113.897.118.914	1.116.698.705	7.536.472.062	107.477.345.557

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015


 Tổng Giám đốc
 Mạc Quang Huy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime được thành lập theo Quyết định số 77/UBCK-GPHĐKD ngày 11/06/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với tên gọi lúc thành lập là Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 371/UBCK-GP ngày 22/11/2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, Giấy phép số 381/UBCK-GP ngày 31/12/2010 về việc tăng vốn điều lệ, Giấy phép số 09/GPĐC-UBCK ngày 27/01/2011 về việc thay đổi tên Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh, Giấy phép số 25/GPĐC-UBCK ngày 08/04/2011 về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính, Quyết định số 401/QĐ-UBCK ngày 02/07/2013 về việc chấp nhận thành lập chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 379/QĐ-UBCK ngày 26/05/2014 về việc chấp nhận thành lập chi nhánh Hà Nội, Giấy phép số 35/GPĐC-UBCK ngày 07/08/2015 về việc thay đổi tên Công ty, Quyết định số 668/QĐ-UBCK ngày 07/08/2015 về việc thay đổi tên Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 669/QĐ-UBCK ngày 07/08/2015 về việc thay đổi tên Chi nhánh Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép là 300.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 1 và Tầng 3, Tòa nhà Sky City, Số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đến ngày 30/06/2015, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 131 người.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được Công ty sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Chứng khoán, thông tư số 162/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung thông tư số 95/2008/TT-BTC, Thông tư 206/2009/TT-BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn chế độ kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính: Nguyên tắc giá gốc.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các Quyết định và Thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra nhưng không trọng yếu.

2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày hiệu lực hợp đồng, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản với tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

<i>Loại tài sản cố định:</i>	<i>Thời gian (năm)</i>
Máy móc thiết bị	03 – 08
Phần mềm máy tính	03 – 05

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp xác định giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra: Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

- Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết được trích lập cho từng loại chứng khoán tự doanh đã niêm yết có giá khớp lệnh tại thời điểm kết thúc phiên giao dịch ngày 30 tháng 06 năm 2015 thấp hơn so với giá trên sổ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

- Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết do không thu thập được thông tin đáng tin cậy về giá các loại chứng khoán này tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty các loại chứng khoán này không giảm giá trị so với thời điểm đơn vị đầu tư. Việc trích lập dự phòng (nếu có) sẽ được thực hiện tại thời điểm kết thúc năm tài chính (31/12 hàng năm).

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản đã tính trước vào chi phí kinh doanh của Công ty trong kỳ, nhưng chưa thực chi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như khoản lãi vay phải trả đối với các hợp đồng vay vốn, lãi trái phiếu phát hành chưa chi trả. Phần chênh lệch giữa thực tế phát sinh và số đã trích lập sẽ được ghi bổ sung hoặc giảm chi phí tương ứng vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Vay và nợ của Công ty tại thời điểm 30/06/2015 bao gồm các khoản vay ngắn hạn và các khoản trái phiếu.

Vay ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 30/06/2015 bao gồm:

- Khoản vay ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01-MSBS/2014/HĐCVHM ngày 01/10/2014 và phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2015/PLHĐ ngày 28/01/2015, hạn mức tín dụng là 230.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay không quá 12 tháng cho một kế ước nhận nợ, nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và;
- Khoản vay theo hợp đồng hạn mức thấu chi số 01-13.03.2015/HDTD/TBbank.KTN ngày 31/03/2015.

Khoản nợ dài hạn là giá trị trái phiếu 470.000.000.000 đồng, phát hành ngày 13/04/2011 cho trái chủ sơ cấp là Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, kỳ hạn trái phiếu 3 năm và được gia hạn thêm 2 năm với mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh của Công ty. Tại thời điểm báo cáo, lãi suất áp dụng cho khoản trái phiếu này từ 6%/năm đến 6,1%/năm và được điều chỉnh 3 tháng một lần theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Hàng Hải.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu: Là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông đóng góp cổ phần tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành. Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng lên giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu và tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lãi (lỗ) lũy kế từ các hoạt động kinh doanh của Công ty đến thời điểm báo cáo.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong kỳ tài chính được ghi nhận đầy đủ theo đúng chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”. Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán; Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn; Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán; Doanh thu hoạt động tư vấn; Doanh thu lưu ký chứng khoán; Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản và Doanh thu khác. Phương pháp xác định như sau:

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư, doanh thu này được xác định vào cuối mỗi ngày;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn là khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của Công ty (được ghi nhận khi khớp lệnh thành công đối với cổ phiếu niêm yết và chuyển quyền sở hữu cổ phần cho người mua đối với cổ phiếu chưa niêm yết), thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu;
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán được xác định khi thực hiện quyết toán với tổ chức phát hành hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Doanh thu hoạt động tư vấn là số phí Công ty được hưởng từ việc tư vấn đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư và tư vấn khác của Công ty đã thực hiện trong kỳ tài chính;
- Doanh thu lưu ký chứng khoán là số phí Công ty được hưởng từ các hoạt động lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư.
- Doanh thu khác bao gồm: lãi tiền gửi, tiền lãi các hoạt động đầu tư.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hoạt động môi giới chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp chịu thuế GTGT 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN): 22%

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các bên liên quan:

Các bên được coi là các bên liên quan đến Công ty khi các bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các chỉ tiêu dưới đây được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VNĐ)

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi ngân hàng	317.227.747.224	223.746.496.515
Trong đó:		
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	254.696.078.752	163.718.707.634
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.101.878.466	879.756.248
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	1.600.000.000
Tổng cộng	<u>318.329.625.690</u>	<u>226.226.252.763</u>

2 Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</u>
a. Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	11.577.260	221.176.887.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	887.445.492	11.698.855.597.200
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
Cộng	<u>899.022.752</u>	<u>11.920.032.484.200</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

3 Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng CK		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014	Tăng		Giảm		30/06/2015	31/12/2014
					30/06/2015	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2014		
A. Đầu tư ngắn hạn	14.433.165	16.482.970	380.691.250.872	334.638.996.227	40.014.422.496	16.923.899.970	4.592.209	2.078.107.200	420.701.081.159	349.484.788.997
I. Chứng khoán thương mại	14.433.165	16.482.970	151.271.250.872	183.718.996.227	40.014.422.496	16.923.899.970	4.592.209	2.078.107.200	191.281.081.159	198.564.788.997
Cổ phiếu niêm yết	11.820.332	13.799.831	138.650.034.143	170.159.844.280	40.014.422.496	16.923.899.970	4.592.209	2.078.107.200	178.659.864.430	185.005.637.050
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.612.833	2.683.139	12.621.216.729	13.559.151.947	-	-	-	-	12.621.216.729	13.559.151.947
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II. Đầu tư tài chính khác	-	-	229.420.000.000	150.920.000.000	-	-	-	-	229.420.000.000	150.920.000.000
Tiền gửi ngân hàng trên 3 tháng	-	-	229.420.000.000	150.920.000.000	-	-	-	-	229.420.000.000	150.920.000.000
B. Đầu tư dài hạn	13.618.962	13.618.962	113.169.662.149	113.169.662.149	-	-	-	-	113.169.662.149	113.169.662.149
I. Chứng khoán đầu tư	13.618.962	13.618.962	113.169.662.149	113.169.662.149	-	-	-	-	113.169.662.149	113.169.662.149
<i>1. Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	<i>13.618.962</i>	<i>13.618.962</i>	<i>113.169.662.149</i>	<i>113.169.662.149</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>113.169.662.149</i>	<i>113.169.662.149</i>
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>13.618.962</i>	<i>13.618.962</i>	<i>113.169.662.149</i>	<i>113.169.662.149</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>113.169.662.149</i>	<i>113.169.662.149</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****4 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 31/12/2014	-	5.293.877.081	-	-	5.293.877.081
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2015	-	5.293.877.081	-	-	5.293.877.081
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 31/12/2014	-	5.134.783.446	-	-	5.134.783.446
- Khấu hao trong năm	-	20.489.397	-	-	20.489.397
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2015	-	5.155.272.843	-	-	5.155.272.843
Giá trị còn lại					
Tại ngày 31/12/2014	-	159.093.635	-	-	159.093.635
Tại ngày 30/06/2015	-	138.604.238	-	-	138.604.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****5 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 31/12/2014	-	-	-	8.377.551.248	8.377.551.248
- Mua trong năm	-	-	-	1.112.240.000	1.112.240.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2015	-	-	-	9.489.791.248	9.489.791.248
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 31/12/2014	-	-	-	2.590.312.515	2.590.312.515
- Khấu hao trong năm	-	-	-	892.122.061	892.122.061
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2015	-	-	-	3.482.434.576	3.482.434.576
Giá trị còn lại					
Tại ngày 31/12/2014	-	-	-	5.787.238.733	5.787.238.733
Tại ngày 30/06/2015	-	-	-	6.007.356.672	6.007.356.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

6 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Giá trị còn lại của CCDC xuất dùng	1.425.260.011	1.992.943.888
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	680.254.420	410.684.039
Tổng cộng	2.105.514.431	2.403.627.927

7 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	30/06/2015	31/12/2014
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.967.304.884	675.539.596
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	187.095.364	134.498.308
Số cuối kỳ	3.274.400.248	930.037.904

8 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2015	31/12/2014
Thuế GTGT	11.662.829	121.609.804
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.837.305.010
Thuế thu nhập cá nhân	1.653.380.321	1.835.241.637
Tổng cộng	1.665.043.150	5.794.156.451

9 Chi phí phải trả

	30/06/2015	31/12/2014
Lãi vay phải trả	305.555.556	4.948.573.389
Lãi trái phiếu phải trả	136.867.916.667	121.744.250.000
Lãi đặt cọc môi giới	428.308.748	-
Chi phí phải trả khác	1.215.428.278	2.092.943.811
Tổng cộng	138.817.209.248	128.785.767.200

10 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2015	31/12/2014
Kinh phí công đoàn	209.576.178	112.401.178
Bảo hiểm xã hội, y tế và bảo hiểm thất nghiệp	61.250.751	54.183.116
Các khoản phải trả, phải nộp khác	45.058.843.006	53.387.877.502
<i>Trong đó</i>		
<i> Phải trả cổ tức cho cổ đông MSB</i>	<i>2.863.669.503</i>	<i>3.038.705.701</i>
<i> Nhận tiền đặt cọc bán cổ phiếu, môi giới trái phiếu</i>	<i>28.031.168.166</i>	<i>44.047.144.000</i>
<i> Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>14.164.005.337</i>	<i>6.302.027.801</i>
Tổng cộng	45.329.669.935	53.554.461.796

11 Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/06/2015	31/12/2014
Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của Công ty chứng khoán	-	-
Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	178.825.239.000	112.312.304.000
Nhận ký cược, ký quỹ của nhà đầu tư	75.870.839.752	51.406.403.634
Tổng cộng	254.696.078.752	163.718.707.634

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

12 Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Số tại ngày 31/12/2014			Phát sinh trong kỳ		Số tại ngày 30/06/2015			
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	DP đã lập
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Phải thu của khách hàng	90.144.128	-	25.000.000	7.175.681.130	7.001.234.128	264.591.130	-	25.000.000	25.000.000
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	449.760.015.016	13.164.611	13.164.611	7.059.292.760.883	6.951.067.534.532	557.985.241.367	13.164.611	13.581.689.931	13.581.689.931
- Phải thu của sở (Trung tâm) GDCK	-	-	-	11.557.150.000	8.693.990.000	2.863.160.000	-	-	-
- Phải thu của khách hàng về GDCK	449.760.015.016	13.164.611	13.164.611	7.047.735.610.883	6.942.373.544.532	555.122.081.367	13.164.611	13.581.689.931	13.581.689.931
- Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu thành viên khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Trả trước tiền cho người bán	563.147.517	-	-	226.521.500	584.103.317	205.565.700	-	-	-
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-	-	1.470.947.557	-	1.470.947.557	-	-	-
7. Phải thu khác (*)	355.390.558.815	-	-	123.825.792.952	111.108.795.986	368.107.555.781	-	-	-

(*) Chi tiết khoản phải thu khác tại ngày 30/06/2015:

	Số tiền
Phải thu về lãi đầu tư, lãi dự thu cho vay ký quỹ	96.513.565.928
Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	251.070.000.000
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán OTC	15.700.000.000
Phải thu khác	4.823.989.853
Cộng	368.107.555.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

13 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Kỳ này
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.466.525.955
Các khoản điều chỉnh giảm lợi thu nhập chịu thuế	902.090
- <i>Cổ tức được chia</i>	902.090
- <i>Chuyển lỗ kỳ trước</i>	
Các khoản không được trừ khi tính thuế TNDN	124.500.000
Thu nhập chịu thuế trong kỳ	1.590.123.865
Thuế suất thuế TNDN	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	349.827.250

14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.116.698.705
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.116.698.705
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

15 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30/06/2015

	Số vốn góp	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	32.997.500.000	11,00%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ Tầng Nam Đức	28.525.000.000	9,51%
Công ty TNHH Bất Động Sản MSB	26.302.500.000	8,77%
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển VID Thanh Hóa	20.457.500.000	6,82%
Bà Hà Thị Bích Hạnh	26.676.000.000	8,89%
Ông Trần Phi Hạnh	27.000.000.000	9,00%
Ông Nguyễn Thanh Dương	25.050.000.000	8,35%
Ông Bùi Đình Chiên	27.000.000.000	9,00%
Công ty TNHH Nam Hòa	25.527.500.000	8,51%
Các cổ đông khác sở hữu dưới 5%	60.464.000.000	20,15%
Cộng	300.000.000.000	100%

16 Chi tiết các khoản phân phối lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2015

	Số tiền
Trích lập quỹ khen thưởng	1.159.457.240
Trích lập quỹ phúc lợi	579.728.620
Trích quỹ dự phòng rủi ro tài chính	2.898.643.101
Trích quỹ dự trữ theo điều lệ của công ty	2.898.643.101
Cộng	7.536.472.062

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

2 Tính hoạt động liên tục của Công ty

Trong kỳ tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc

Mạc Quang Huy